TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 12 - 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

Ông Đỗ Văn Cận.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Phan Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:182/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:92/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm D, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định "có mặt"

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2004; địa chỉ: Xóm M, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10-10-2023, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/12/2022. Trước ngày cưới chị T thông báo đã có thai được 1 tháng. Sau cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận, gia đình thường xuyên đưa chị T đi khám thai, nhưng thực chất chị T không có thai lừa dối anh và gia đình. Khi anh phát hiện chị T lừa dối dẫn đến mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân chị T đã về nhà mẹ đẻ ở vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Tại bản tự khai ngày 26-10-2023 chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn cho vợ chồng vào ngày 14/12/2022. Do chồng và gia đình nhà chồng yêu thương chị lên chị đã nói dối là mình đã mang thai nhưng thực chất chị không mang thai, sau khi bị gia đình nhà chồng phát hiện chị nói dối dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh B có đơn xin ly hôn chị không đồng ý.

Tại biên bản xác minh ngày 27-10-2023 đại diện chính quyền địa phương xã G cung cấp: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hai bên tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G cấp đăng ký kết hôn số 73 ngày 14-12- 2022. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị T đã lừa dối chồng và gia đình chồng khi chị T không mang thai lại nói có thai. Nay anh B có đơn ly hôn, địa phương xác định hạnh phúc vợ chồng khó có thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án đề nghị Tòa án xử cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị T; Về án phí: Anh B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thi T1 tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 14-12-2022 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T1 không chung thực trong việc cư xử với anh B, nên anh B cho rằng bị lừa dối dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh B có đơn xin ly hôn chị T1; Hội đồng xét xử xác định mâu thuận vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của anh B là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; Anh B, chị T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0001528 ngày 16-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy (anh B đã nộp đủ tiền án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- VKSND huyện Giao Thủy;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Ngọc Lễ